| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHƯ PĂH**<br>**TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 20/6/2018
"*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Lê Thị Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1.Ông Trịnh Văn Tuyên;
2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa***: Bà Tô Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số số 88/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88a/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2018 giữa các đương sự:

1 Nguyên đơn: chị Trần Thị L, sinh năm 1982
Địa chỉ: thôn I, thị trấn I, huyện C, tỉnh G (có mặt)
2. Bị đơn: anh Vũ Văn T, sinh năm 1972
Địa chỉ: thôn I, thị trấn I, huyện C, tỉnh G (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017 cùng các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:*

*Về hôn nhân:* chị với anh T tìm hiểu đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện C, ngày 13/02/2006.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 12/2010 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do chị với anh T tính tình không hợp, anh T không lo làm ăn mà còn chửi bới xúc phạm chị và gia đình chị nhiều lần, chị đã khuyên nhủ

nhưng anh T không nghe mà còn đánh chị. Đến tháng 6/2015 vợ chồng đã sống ly thân, anh T đi theo bạn bè làm ăn, chị không biết làm gì, nhưng không đưa tiền cho chị nuôi con, từ đó vợ chồng không ai còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

*Về con chung:* chị và anh T có 02 con chung là Vũ Thị Yến N, sinh ngày 08/12/2006 và Vũ Anh T1, sinh ngày 23/8/2009.

Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

*Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác:* vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu gì thêm.

*Đối với bị đơn là anh* Vũ Văn T*:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T không đến Toà án để làm việc, không cung cấp cho Toà án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc và cũng không có bất kỳ ý kiến nào để giải quyết vụ án, anh T đã không chấp hành các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vũ Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Vũ Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng kết hôn với nhau vào ngày 13/02/2006, tại Ủy ban nhân xã I (nay là thị trấn I),

huyện C, tỉnh G. Việc kết hôn của anh chị đúng theo quy định pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị L và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh T không lo làm ăn mà còn chửi bới, xúc phạm gia đình chị nhiều lần, khi vợ chồng cãi nhau anh T đã đánh đập chị. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng anh T không lên Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án, thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm để cùng chị L đoàn tụ gia đình, nuôi dạy con cái. Xét mâu thuẫn giữa chị L và anh T là có thật. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L xin ly hôn với anh Vũ Văn T.

Về con chung: Giữa chị L và anh T có 02 con chung là Vũ Thị Yến N, sinh ngày 08/12/2006 và Vũ Anh T1, sinh ngày 23/8/2009.

Tại các bản tự khai của cháu N và cháu T1 có tại hồ sơ vụ án thể hiện, trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, thì hai cháu đều có nguyện vọng được ở mẹ.

Ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Xét nguyện vọng của chị L và nguyện vọng của hai cháu thì thấy rằng, chị L có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị L

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Vũ Văn T.

Về con chung: Giao 02 con chung là Vũ Thị Yến N, sinh ngày 08/12/2006 và Vũ Anh T1, sinh ngày 23/8/2009 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Buộc chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị L đã nộp trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0002576 ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Chị Trần Thị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

*"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngàyTòa án niêm yết bản án./.

***Nơi nhận* :**
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND h. Chư Păh;
-THADS h. Chư Păh;
-UBND TT. Ia Ly;
-Đương sự;
-Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Hòa

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Văn Tuyên Nguyễn Thị Lan Lê Thị Hòa